

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

Số: 19 /2013/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bạc Liêu, ngày 14 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ về ưu đãi, hỗ trợ bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2012/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 28/2012/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 680/TTr-STC ngày 17 tháng 9 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu”.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm phối hợp với các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh có liên quan, các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bạc Liêu tổ chức, triển khai thực hiện nội dung Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bạc Liêu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các Bộ: TP, TC, KH&ĐT, TNMT, XD;
- TT.Tỉnh ủy;
- TT.HĐND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban TGTU; Ban KT-NS, Ban VHXX- HĐND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- TT.Công báo - Tin học; Công thông tin điện tử tỉnh;
- Các PCVP- VPUBND tỉnh;
- TrP, P.TrP và các CV Phòng KT, QHKHTH;
- Lưu VT, (th011).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Minh Chiến

QUY ĐỊNH

**Về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các
hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa,
thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 19 /2013/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh:

Các dự án đầu tư xây dựng thuộc các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa; thể dục thể thao; môi trường (sau đây gọi tắt là dự án xã hội hóa) sử dụng đất trong khu vực đô thị và đất ở, phù hợp quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng:

Đối tượng thực hiện xã hội hóa theo quy định này bao gồm:

- Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong các lĩnh vực xã hội hóa.
- Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết hoặc thành lập các cơ sở hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Đối với các dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xã hội hóa thực hiện theo quy định riêng của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa:

Cơ sở thực hiện xã hội hóa phải thuộc danh mục các loại hình, đảm bảo các tiêu chí về quy mô và các tiêu chuẩn theo quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi,

bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định 04/2009/NĐ-CP ngày 14/01/2009 của Chính phủ về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường và phù hợp với quy hoạch kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chương II

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI VỀ ĐẤT ĐAI VÀ TÍN DỤNG

Điều 4. Quyền lựa chọn hình thức sử dụng đất:

Cơ sở thực hiện xã hội hóa được lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất, tính trên toàn bộ diện tích đất được giao, cho thuê đất để thực hiện các dự án, áp dụng trong thời hạn giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Đối với các trường hợp miễn, giảm thì đơn giá tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất xác định như sau:

- Trường hợp miễn 100% tiền sử dụng đất hoặc giảm 50% tiền sử dụng đất, đơn giá đất xác định theo Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hàng năm.

- Trường hợp miễn 100% tiền thuê đất hoặc giảm 50% tiền thuê đất, đơn giá đất xác định theo Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hàng năm.

Riêng các trường hợp trước đây đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo giá đất sát giá thị trường, thì tiếp tục tổ chức thực hiện.

Điều 5. Giao đất, cho thuê đất:

1. Các cơ sở thực hiện xã hội hóa đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 3 của Quy định này được miễn, giảm tiền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất để thực hiện các dự án xã hội hóa trong khu vực đất đô thị và đất ở theo quy định sau:

- a) Miễn 100% tiền sử dụng đất đối với các dự án xã hội hóa thực hiện tại địa bàn các xã, thị trấn trong tỉnh.

- b) Miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với các dự án xã hội hóa thực hiện tại địa bàn các phường thuộc thành phố Bạc Liêu, cụ thể như sau:

- Miễn 100% tiền sử dụng đối với: Đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao; đất sử dụng để xây dựng công trình hoạt động bảo vệ môi trường được đặc biệt ưu đãi,

hỗ trợ quy định tại Mục I, Phần A, Danh mục ban hành kèm theo Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14/01/2009 của Chính phủ về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường.

- Giảm 50% tiền sử dụng đất và được chậm nộp tiền sử dụng đất tối đa không quá 5 năm kể từ ngày được giao đất, để xây dựng công trình hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ quy định tại Mục I, Phần B, Danh mục ban hành kèm theo Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14/01/2009 của Chính phủ về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường.

2. Các cơ sở thực hiện xã hội hóa đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 3 của Quy định này được miễn tiền thuê đất khi được Nhà nước cho thuê đất để thực hiện các dự án xã hội hóa trong khu vực đất đô thị và đất ở theo quy định sau:

a) Miễn toàn bộ tiền thuê đất trong suốt thời gian thuê đất đối với các dự án xã hội hóa thực hiện tại địa bàn các xã, thị trấn trong tỉnh.

b) Miễn, giảm tiền thuê đất kể từ ngày dự án xã hội hóa đi vào hoạt động tại địa bàn các phường thuộc thành phố Bạc Liêu, cụ thể như sau:

- Miễn 100% tiền thuê đất đối với dự án sử dụng đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao; đất sử dụng để xây dựng công trình hoạt động bảo vệ môi trường được đặc biệt ưu đãi, hỗ trợ quy định tại Mục I, Phần A, Danh mục ban hành kèm theo Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14/01/2009 của Chính phủ về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường.

- Miễn tiền thuê đất 11 năm và giảm 50% tiền thuê đất kể từ ngày dự án hoàn thành đưa vào hoạt động, để xây dựng công trình hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ quy định tại Mục I, Phần B, Danh mục ban hành kèm theo Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14/01/2009 của Chính phủ về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường.

3. Miễn, giảm tiền sử dụng đất, miễn tiền thuê đất đối với dự án xã hội hóa phải chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển hình thức từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất:

a) Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa được phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật để thực hiện dự án đầu tư và đáp ứng đầy đủ các quy định tại Điều 3 của Quy định này thì được miễn, giảm tiền sử dụng đất, miễn tiền thuê đất theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 5 của Quy định này.

b) Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa chuyển từ hình thức thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư và đáp ứng đầy đủ các quy định tại Điều 3 của Quy định này thì được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 1, Điều 5 của Quy định này. Giá trị quyền sử dụng đất được áp dụng để tính miễn, giảm là tiền sử dụng đất trong thời hạn sử dụng đất còn lại của dự án đầu tư.

Điều 6. Chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Các cơ sở thực hiện xã hội hóa đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 3 của Quy định này thì việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được thực hiện như sau:

1. Về nguyên tắc Nhà nước giao đất sạch để Nhà đầu tư thực hiện dự án. Ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, tạo quỹ đất sạch từ ngân sách tỉnh và ngân sách Trung ương hỗ trợ.

2. Trường hợp Nhà đầu tư thực hiện xã hội hóa ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và kinh phí tổ chức thực hiện theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thì số kinh phí đã ứng trước được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo quy định. Trường hợp số tiền ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và kinh phí tổ chức thực hiện theo phương án được phê duyệt vượt quá số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp thì chỉ được trừ bằng số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp; phần còn lại được tính chung vào tổng mức đầu tư của dự án. Số tiền đã trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp thì không được hạch toán vào tổng mức đầu tư của dự án.

Điều 7. Chính sách ưu đãi tín dụng:

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa có đủ điều kiện quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3 của Quy định này được vay vốn tín dụng đầu tư hoặc hỗ trợ sau đầu tư theo quy định về tín dụng đầu tư của Nhà nước.

2. Ủy ban nhân dân các cấp tạo điều kiện thuận lợi về hành chính để nhà đầu tư thuộc lĩnh vực xã hội hoá tiếp cận được nguồn vốn tín dụng đầu tư hoặc hỗ trợ sau đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành về tín dụng đầu tư.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của cơ sở thực hiện xã hội hóa:

Cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc phạm vi, đối tượng quy định tại Điều 1, Điều 2 của Quy định này có trách nhiệm thực hiện đúng theo quy định tại Điều 16 Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ; hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 và các văn bản của Trung ương ban hành điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu thực hiện xã hội hoá và sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước tại thời điểm áp dụng.

Điều 9. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bạc Liêu:

Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, chủ động phối hợp tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa quy định tại Điều 16, 17, 18 của Nghị

định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ; hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 và các văn bản của Trung ương ban hành điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu thực hiện xã hội hoá và sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước tại thời điểm áp dụng.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung khác có liên quan không thể hiện trong Quy định này, thực hiện theo quy định tại Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ; Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành của Nhà nước và Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

2. Chế độ báo cáo: Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bạc Liêu căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao tại Điều 9 của Quy định này lập báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa, hoạt động của các cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc ngành, cấp mình quản lý gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính) trước ngày 10 tháng 01 hàng năm.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính lập báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa, hoạt động của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh gửi Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 25 tháng 01 hàng năm để gửi về các Bộ quản lý chuyên ngành theo quy định tại khoản 10 Điều 18 Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị phản ánh gửi về Sở Tài chính để tổng hợp, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, đề xuất và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cho ý kiến chỉ đạo thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Minh Chiến